

Bản án số: 85/2021/HS-ST
Ngày: 13- 5- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG – THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh

Ông Lê Đình Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoàn Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PRTC tham gia phiên tòa:
Ông Võ Phúc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HS ngày 29/4/2021 đối với bị cáo:

Trương Thị Minh Đ, sinh năm 1982 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: thôn Khánh Hội, xã Tri Hải, huyện Nh, tỉnh NT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đ và bà Phan Thị Ti; có chồng Trương H và 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Phan Rang-Tháp Chàm, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường ĐS, thành phố PRTC, tỉnh NT.(Có mặt)

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Số 21 Bạch Đằng, phườngĐH, TP.PRTC, tỉnh NT Có mặt)

Ông Trương H, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn KH, xã TH, huyện Nh, tỉnh NT.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/12/2020, sau khi dọn phòng hát tại quán Karaoke Kim Phương, thuộc khu phố 1, phường Đài Sơn, thành phố PRTC, Trương Thị Minh Đ đi ra khu vực bàn ghế đá ở gần bếp thì thấy 01 cọc tiền, được cuộn bằng dây thun màu vàng, để trên ghế của bà Nguyễn Thị B là chủ quán. Quan sát xung quanh không có người, Đ đã nảy sinh lòng tham muốn chiếm đoạt số tiền trên nên lấy cất giấu vào trong lưng quần của mình, thả áo xuống che lại rồi đi lên gác lửng ở nơi phòng ngủ của Đ tại quán, Đ bỏ tiền vào trong ví da nữ màu đỏ của Đ và đi xuống dọn dẹp. Sau đó, Đ lấy cọc tiền trộm cắp được ra đếm thì thấy có 14.300.000 đồng, rồi lấy 300.000 đồng trong số tiền này ra để tiêu xài cá nhân.

Sau khi phát hiện mất tiền, nghi ngờ Đ trộm cắp nên sáng ngày 26/12/2020, bà B nói cho Đ nghe về chuyện bị mất tiền nhưng Đ vẫn không chịu trả tiền đã lấy. Sau đó, bà B cùng con gái là Nguyễn Thị Ngọc L đi lên gác lửng nơi ngủ của Đ để lục soát thì phát hiện trong ví da nữ màu đỏ của Đ có 60.000.000 đồng nên mang đến Công an trình báo.

Quá trình điều tra, Trương Thị Minh Đ khai nhận trong ví da nữ, màu đỏ của mình có 14.300.000 đồng(nhưng đã tiêu xài hết 300.000đồng) là tiền trộm cắp của bà B, 6.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của Đ và 40.000.000 đồng là tiền Đ trúng số đề.

Bà Nguyễn Thị B khai nhận đã mất tổng số tiền là 48.500.000 đồng vào ngày 25/12/2020. Tuy nhiên, qua điều tra, không có căn cứ để xác định bà đã mất số tiền trên và chỉ có cơ sở xác định số tiền Đ trộm cắp là 14.300.000đồng.

Cáo trạng số 53/CT-VKSPR ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Trương Thị Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Thị Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Minh Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa, không tranh luận gì. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà khai đã mất tổng số tiền 48.500.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 48.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại đồng ý với số tiền bị cáo bồi thường là 14.300.000 đồng và đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố PRTC, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PRTC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/12/2020, tại quán Karaoke Kim Phương, thuộc khu phố 1, phường Đài Sơn, thành phố PRTC, Trương Thị Minh Đ thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 14.300.000 đồng của bà Nguyễn Thị B. Vì vậy, Cáo trạng số: 53/CT-VKSPR ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Trương Thị Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: Bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; gia đình có công với Nhà nước; các tình tiết này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, phải xử lý thật nghiêm trước pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị B cho rằng bị cáo trộm của bà số tiền là 48.500.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 48.500.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng không có căn cứ để xác định bà B đã mất số tiền trên và chỉ có cơ sở xác định số tiền Đ trộm cắp là 14.300.000 đồng. Hơn nữa, bà B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền bà bị trộm là 48.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 14.300.000 đồng, do bị hại không đồng ý nhận nên Cơ quan điều tra đã chuyển số tiền này đến Chi cục Thi hành án dân sự TP. Phan Rang – Tháp Chàm. Tại phiên tòa, bị hại và bị cáo thống nhất số tiền bồi thường là 14.300.000 đồng nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu, gồm: 01 túi xách màu nâu, nhãn hiệu Golad Corab cho bà Nguyễn Thị B; 01 ví da nữ màu đỏ không liên quan đến vụ án cho Trương Thị Minh Đ là có căn cứ.

Đối với 01 mảnh giấy màu hồng kích thước 9x4cm, có ghi chữ Quê Huê 35.500 là vật chứng liên quan đến vụ án nên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 5.700.000 đồng (được trích ra từ số tiền 60.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ) là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên HĐXX quyết định trả lại cho bị cáo.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa làm rõ số tiền 40.000.000 đồng và 01 điện thoại Oppo, màu trắng, ký hiệu A5 2020, số IMEL V1 86220804832699, số IMEL V2 862208040832681 liên quan đến việc đánh bạc dưới hình thức ghi số đề. Vì vậy, HĐXX quyết định giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tiếp tục điều tra, xác minh; khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Minh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Minh Đ 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị B số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị B được quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PRTC để nhận số tiền bồi thường là 14.300.000 đồng theo Ủy nhiệm chi số 11 ngày 23/3/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng) cho bị cáo Trương Thị Minh Đ theo Ủy nhiệm chi số 11 ngày 23/3/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

Giao Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ đối với số tiền 40.000.000 đồng(Bốn mươi triệu đồng) và 01 điện thoại Oppo, màu trắng, ký hiệu A5 2020, số IMEL V1 86220804832699, số IMEL V2 862208040832681.

01 mảnh giấy màu hồng kích thước 9x4cm, có ghi chữ Quê Huê 35.500 lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Thị Minh Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. PRTC;
- Công an TP.PRTC;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyên Vy

